

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 24-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Nhiều.
- Bà Phạm Thị Láng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Văn H, sinh ngày 07 tháng 6 năm 1988 tại tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là chị Hoàng Thị Kim T và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú: xã H, huyện N, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: Số x, đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (Vắng mặt tại phiên tòa).

- Người làm chứng:

- Anh Bùi Quang P, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Tổ x, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

2. Chị Hoàng Thị Kim T, sinh năm 1987;

Nơi ĐKTT: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Anh P và chị T đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 11 tháng 10 năm 2023, Phạm Văn H điều khiển xe máy điện, biển kiểm soát 17MD9-024.xx đến đường T, phường B, thành phố Thái Bình nhặt được 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32 có ốp lưng màu đen, sau ốp lưng có 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank mang tên Nguyễn Thị M, 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Thị M và 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank mang tên Phạm Văn H là chồng của chị M. Do thẻ ATM của H cài đặt mật khẩu (mã pin) bằng ngày tháng năm sinh nên H nảy sinh ý định mang thẻ ngân hàng của chị M ra cây ATM để thử nhập mật khẩu theo ngày tháng năm sinh trên giấy phép lái xe của chị M xem có mở được thẻ không. H điều khiển xe máy điện, mang thẻ ngân hàng Agribank đến cây ATM của ngân hàng Vietcombank tại ngã tư cây xăng Hưng Thịnh thuộc địa phận xã M Quang, huyện V, tỉnh Thái Bình. Trong khoảng thời gian từ 08 giờ 00 phút đến 08 giờ 15 phút, H dùng thẻ ATM ngân hàng Agribank mang tên Nguyễn Thị M để rút tiền. H nhập mật khẩu ngày tháng năm sinh của chị M là “010987” thì thấy đăng nhập thành công. Sau khi kiểm tra số dư tài khoản, thấy tài khoản thẻ có 27.491.000 đồng, H nảy sinh ý định lấy tiền từ thẻ của chị M và thực hiện lệnh rút 5.000.000 đồng nhưng không rút được. H thực hiện tiếp lệnh rút số tiền 2.000.000 đồng thì rút tiền thành công và thực hiện liên tiếp 11 lần nữa, tổng số tiền rút được là 24.000.000 đồng thì không rút được nữa nên H cầm thẻ ATM về nhà. Sau đó, H thay quần áo, lấy xe mô tô biển kiểm soát 18E1-324.25 đi làm tại Công ty ở huyện V, tỉnh Thái Bình. Khi đi qua ngân hàng Agribank tại thị trấn V, H vào cây ATM, trong khoảng thời gian từ 08 giờ 57 phút đến 09 giờ 00 phút, H tiếp tục dùng thẻ ATM của chị M để thực hiện lệnh rút lần lượt với số tiền 3.700.000 đồng, 3.500.000 đồng, 3.400.000 đồng nhưng đều không được. H tiếp tục thực hiện lệnh rút tiếp theo với số tiền 1.000.000 đồng thì rút được tiền, H tiếp tục sử dụng lệnh rút 1.000.000 đồng nữa nhưng không rút được nên H lấy thẻ ATM ra khỏi cây ATM và điều khiển xe đến Công ty làm việc. Tổng số tiền 25.000.000 đồng rút từ thẻ ATM ngân hàng Agribank của chị Nguyễn Thị M, H đã chi tiêu cá nhân hết 3.000.000 đồng còn 22.000.000 đồng H mang về nhà cất giấu. Trong quá trình khởi tố, H đã tự nguyện nộp lại 22.000.000 đồng cho Cơ

quan điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình và đã tự nguyện trả lại 3.000.000 đồng cho chị M.

Tại Bản cáo trạng số 03/CT-VKSVT ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Phạm Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại: Không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 áo phông có cổ màu đỏ in dòng chữ Bivina Export; 01 quần bò ngắn màu xanh đai quần mặt trong có dòng chữ Newfashion; 01 quần dài dạng quần thể thao in dòng chữ Sport; 01 áo khoác chống nắng có mũ, dài tay, áo in hoa văn kẻ sọc xanh trắng; 01 mũ bảo hiểm trùm đầu màu đen có in hoa văn hình đỏ trắng, mặt mũ có dòng chữ Asia The name of quality Product; 01 áo sơ mi có cổ màu đen; 01 đôi dép sọc trắng in dòng chữ Asian Sport của bị cáo Phạm Văn H do bị cáo từ chối nhận lại vì không còn giá trị sử dụng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các chứng cứ buộc tội bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng đã mô tả, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo và biên bản ghi lời khai của bị hại là chị Nguyễn Thị M; bản sao kê biến động số dư tài khoản ngân hàng Agribank, chủ tài khoản Nguyễn Thị M; biên bản làm việc xác nhận hình ảnh trích xuất từ camera xác định việc H đã đến đến 02 cây ATM để rút tiền và 03 ảnh chụp trích xuất từ camera; sao kê giao dịch rút tiền qua tài khoản ngân hàng; biên bản làm việc và biên bản niêm phong tài liệu đồ vật; biên bản xác định hiện trường và sơ đồ hiện trường; kết luận giám định số 1678/KL-KTHS ngày 16/11/2023 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, xác định 44 tờ tiền cần giám định là tiền thật; biên bản ghi lời khai của anh Bùi Quang Phúc và chị Hoàng Thị Kim T.

Như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Sau khi nhặt được thẻ ATM ngân hàng Agribank của chị Nguyễn Thị M, trong khoảng thời gian từ 08 giờ đến 09 giờ ngày 11 tháng 10 năm 2023, Phạm Văn H đã có hành vi lén lút rút tổng số tiền 25.000.000 đồng trong tài khoản thẻ ngân hàng của chị M, mục đích để chi tiêu cá nhân.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo Phạm Văn H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...”.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo Phạm Văn H thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được

pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo đã lợi dụng việc chị M đánh rơi thẻ ATM, lén lút trộm cắp 25.000.000 đồng trong tài khoản ngân hàng của chị M để chi tiêu cá nhân.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Phạm Văn H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện trả lại số tiền trộm cắp cho bị hại. Do đó, bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Bị hại là chị Nguyễn Thị M có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt:

Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo H có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng và có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo H được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự không nhất thiết phải cách ly bị cáo H ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về bồi thường thiệt hại:

Đối với số tiền 25.000.000 đồng mà H đã trộm cắp của chị M, H đã sử dụng 3.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân, còn 22.000.000 đồng đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình. H đã tự nguyện trả lại cho chị M 3.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Cơ quan điều tra đã trả lại cho

chị M 22.000.000 đồng. Chị M đã nhận lại toàn bộ số tiền bị trộm cắp là 25.000.000 đồng, không yêu cầu đề nghị gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

01 áo phông có cổ màu đỏ in dòng chữ Bivina Export; 01 quần bò ngắn màu xanh đai quần mặt trong có dòng chữ Newfashion; 01 quần dài dạng quần thể thao in dòng chữ Sport; 01 áo khoác chống nắng có mũ, dài tay, áo in hoa văn kẻ sọc xanh trắng; 01 mũ bảo hiểm trùm đầu màu đen có in hoa văn hình đồ trắng, mặt mũ có dòng chữ Asia The name of quality Product; 01 áo sơ mi có cổ màu đen; 01 đôi dép sọc trắng in dòng chữ Asian Sport thu giữ của bị cáo Phạm Văn H. Tại phiên tòa bị cáo từ chối không nhận lại do các tài sản cá nhân trên đều đã cũ, không còn giá trị nên áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32 màu đen; 01 ốp lưng điện thoại màu đen; 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank mang tên Nguyen Thi M; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị M; 01 thẻ ATM ngân hàng Sacombank mang tên Pham Van H; số tiền 22.000.000 đồng là tài sản của chị Nguyễn Thị M nên Cơ quan điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình đã trả lại cho chị M; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS RC màu đen, biển kiểm soát 18E1-324.25 và 01 xe máy điện nhãn hiệu VIPER màu đỏ, biển kiểm soát 17MD9-024.66 đều đã qua sử dụng. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của Phạm Văn H và vợ là chị Hoàng Thị Kim T nên Cơ quan điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình đã trả lại cho H. Việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra là đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đặt ra giải quyết.

[8] Các vấn đề khác trong vụ án: Đối với hành vi nhật được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A32 màu đen, trị giá 1.800.000 đồng. Quá trình điều tra xác định: Sau khi nhật được điện thoại, Phạm Văn H chỉ lấy thẻ ATM sau ốp lưng điện thoại để rút tiền, còn điện thoại cài mật khẩu, hết pin, H không sử dụng vào mục đích gì. Khi bị phát hiện, H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện V, tỉnh Thái Bình để trả lại cho chị Nguyễn Thị M nên không có căn cứ để xử lý.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24 tháng 01 năm 2024). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Phạm Văn H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về bồi thường thiệt hại: Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy: 01 áo phông có cổ màu đỏ in dòng chữ Bivina Export; 01 quần bò ngắn màu xanh đai quần mặt trong có dòng chữ Newfashion; 01 quần dài dạng quần thể thao in dòng chữ Sport; 01 áo khoác chống nắng có mũ, dài tay, áo in hoa văn kẻ sọc xanh trắng; 01 mũ bảo hiểm trùm đầu màu đen có in hoa văn hình đỏ trắng, mặt mũ có dòng chữ Asia The name of quality Product; 01 áo sơ mi có cổ màu đen; 01 đôi dép sọc trắng in dòng chữ Asian Sport của bị cáo Phạm Văn H.

(Vật chứng của vụ án đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án và phiếu nhập kho đề ngày 29 tháng 12 năm 2023).

5. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24 tháng 01 năm 2024). Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Cơ quan CSĐT, cơ quan THAHS Công an huyện V;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Thái Bình (gửi qua Công an huyện V);
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP./.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Lý